

Số: /GPMT-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-STNMT ngày 08/01/2025 (kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Ánh Ngọc Điện Biên).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Ánh Ngọc Điện Biên, địa chỉ tại Đội 14, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

1.3. Chủ trương đầu tư: Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

1.4. Mã số thuế: 5600339259.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản.

### 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư.

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án là 36.225 m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích thực hiện khai thác là 30.083 m<sup>2</sup>, diện tích các công trình phụ trợ phục vụ khai thác là 6.142 m<sup>2</sup> (gồm: Khu bãi đậu xe máy móc, khu bãi tập kết cát thành phẩm, khu sàng tuyển cát, khu bãi thải, khu tập kết rác thải sinh hoạt).

- Tổng vốn đầu tư: 5.899.270.000 đồng.

- Công suất của dự án: Tổng trữ lượng khai thác của mỏ là 97.859 m<sup>3</sup>, trong đó: Khối lượng cát 95.804 m<sup>3</sup>, khối lượng cuội sỏi: 1.955 m<sup>3</sup> (Năm thứ 1 hoàn thiện thủ tục thuê đất giải phóng mặt bằng, xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị phục vụ khai thác và khai thác; năm thứ 2 đến năm thứ 8 công suất là 12.232 m<sup>3</sup>/năm; năm thứ 9 công suất 7.247 m<sup>3</sup>/năm; năm thứ 10, hoàn thiện các thủ tục hoàn nguyên đóng cửa mỏ).

- Thời hạn hoạt động của dự án: 10 năm.

## 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Ánh Ngọc Điện Biên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng tương ứng và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật đối với nước thải, khí thải.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/01/2035).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Điện Biên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Điện Biên;
- Công ty TNHH Ánh Ngọc Điện Biên (02 bản);
- UBND xã Thanh Yên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách;
- Lưu VT, KTN<sub>(LNH)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Đức Toàn**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày            tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nội dung cấp phép xả nước thải

###### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên trong mỏ với lưu lượng phát sinh tối đa 1,2 m<sup>3</sup>/ngày, đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động sàng tuyển cát, khu chứa cát thành phẩm với lưu lượng phát sinh tối đa 180 m<sup>3</sup>/ngày, đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Nậm Rốm, đoạn chảy qua khu vực dự án thuộc đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên.

###### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>):

+ Nguồn số 01: X = 2361728; Y = 500046.

+ Nguồn số 02: X = 2361322; Y = 500055.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 181,2 m<sup>3</sup>/ngày, đêm, tương đương với 7,55 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

- Nguồn số 01: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200		
5	Sunfua	mg/l	4.8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng coliforms	MNP/100ml	5.000		

\* Ghi chú: Hệ số K = 1,2 - áp dụng đối với cơ sở sản xuất, doanh trại lực lượng vũ trang có dưới 500 người.

- Nguồn số 02: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, Kq=0,9, Kf = 1,1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD5 (20°C)	mg/l	49,5		
3	COD	mg/l	148,5		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	99		
5	Asen (As)	mg/l	0,099		
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0099		
7	Chì (Pb)	mg/l	0,495		
8	Cadimi (Cd)	mg/l	0,099		
9	Crom (VI) (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	0,099		
10	Sắt (Fe)	mg/l	4,95		
11	Đồng (Cu)	mg/l	1,98		
12	Mangan (Mn)	mg/l	0,99		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
13	Kẽm (Zn)	mg/l	2,97		
14	Tổng Nito	mg/l	39,6		
15	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,94		
16	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
17	Coliform	MNP/100ml	5.000		

\* Ghi chú:

- Hệ số  $Kq = 0,9$  - áp dụng khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương.

- Hệ số  $Kf = 1,1$  - áp dụng đối với lưu lượng nguồn thải  $F$  trong khoảng:  $50 (m^3/ngày\ đêm) < F (m^3/ngày, \text{đêm}) < 500 (m^3/ngày, \text{đêm})$ .

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được dẫn từ ống PVC D90, dài 02 m từ nhà vệ sinh chảy vào bể tự hoại để xử lý; sau đó sẽ đi ra nguồn tiếp nhận là sông Nậm Rốm bằng đường ống PVC D90, dài 50m.

- Nước thải sản xuất từ khu vực sàng tuyển, khu bãi chứa thành phẩm:

+ Tại khu sàng tuyển: Nước thải sản xuất được thu gom vào rãnh thoát nước (rãnh đất đào, kích thước rãnh BxH = 60m x 1m, dài 100m), sau đó đi qua 04 hố lắng (kích thước hố lắng BxLxH = 5m x 5m x 2m) rồi thoát vào rãnh thoát nước (kích thước rãnh BxH = 60m x 1m, dài 60m), sau đó thoát ra sông Nậm Rốm.

+ Tại khu bãi tập kết kinh doanh: Nước thải sản xuất được thu gom vào rãnh thoát nước (rãnh đất đào, kích thước BxH = 60m x 1m, dài 60m), sau đó đi qua 02 hố lắng (kích thước BxLxH = 5m x 5m x 2m) rồi thoát vào rãnh thoát nước (kích thước hố lắng BxH = 60m x 1m, dài 40m), sau đó thoát ra sông Nậm Rốm).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại 03 ngăn (bể composite hợp khối): 01 bể với dung tích 03 m<sup>3</sup> được bố trí tại vị trí tiếp giáp nhà vệ sinh. Định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học vào để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

+ Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (vệ sinh) → Ngăn chứa 1 → Ngăn chứa 2 → Ngăn lắng thô → Ngăn lắng tinh → sông Nậm Rốm.

+ Hóa chất sử dụng: Men vi sinh

- Hồ lắng:
- + 06 hồ lắng, thể tích 50 m<sup>3</sup>/hồ (kích thước BxLxH=5m x 5m x 2m).
- + Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải khu vực sàng tuyển/bãi tập kết kinh doanh → hồ lắng → rãnh thoát nước → sông Nậm Rốm.
- + Hoá chất sử dụng: Không.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét bùn cát ở các rãnh thoát nước, hồ lắng nước thải sản xuất; có biện pháp nạo vét phù hợp, đảm bảo công năng của hồ lắng.

- Các tổ, đội sản xuất có an toàn viên, giám sát viên theo dõi kiểm tra thường xuyên bờ khai thác, hồ lắng để phản ánh kịp thời những hiện tượng không đảm bảo an toàn và có những biện pháp xử lý kịp thời khi xảy ra sạt lở, sụt lún.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng về quy định xả thải.

## Phụ lục 2

# BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh)

### A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy sàng tuyển.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy hút cát, máy xúc.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $103^{\circ}$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Nguồn số 01: X = 2361711; Y = 500037.
- Nguồn số 02: có vị trí không cố định nằm trong ranh giới khu vực khai tại điểm mỏ Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

#### 3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
			Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch thi công cụ thể từng hạng mục công việc, xây dựng nội quy, quy định tại khu vực dự án. Thường xuyên giáo dục, kiểm tra công nhân tham gia dự án thực hiện đúng nội quy, quy định tại khu vực dự án.

- Tập huấn và hướng dẫn công nhân về việc điều khiển các phương tiện, xe, máy đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Điều tiết chế độ làm việc của các thiết bị, xe, máy, phương tiện vận chuyển cho phù hợp. Các hoạt động xây dựng và vận chuyển của dự án không thực hiện vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao



thông, máy móc thiết bị đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường và hoạt động tốt. Sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện đã qua đăng kiểm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày            tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	5
2	Giẻ lau máy	Rắn	18 02 01	15
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	Lỏng	15 02 05	25
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng đựng dầu nhớt thải)	Rắn	18 01 03	5
<b>Tổng</b>				<b>50</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Tổng lượng đất cát thải không đạt tiêu chuẩn từ khâu chế biến và lượng đất cát, bùn thải nạo vét tại các hố lắng... phát sinh khoảng 345 m<sup>3</sup>/năm sẽ được sử dụng để hoàn nguyên trong quá trình khai thác. Do đó không phát sinh lượng chất thải này.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 06 kg/ngày, tương đương 1,2 tấn/năm (với 200 ngày làm việc).

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 04 thùng phuy (thể tích 120 lít/thùng), có nắp đậy, dán nhãn mã chất thải nguy hại và dấu hiệu cảnh báo từng mã theo quy định. Kho lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí trong khuôn viên khu lán trại công nhân với diện tích 05 m<sup>2</sup>, có biển báo hiệu, mặt sàn bê tông cốt thép thưng tôn, mái tôn che kín, đảm bảo thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thu gom, lưu chứa tạm tại khu vực khai thác và tận dụng hoàn nguyên mỏ nên không thải ra môi trường.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng nhựa (*dung tích 120 lít*) đặt tại khu vực lán trại công nhân viên.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 245 m<sup>2</sup> phía Bắc dự án.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ**

- Phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình, trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng (TCVN 3890:2023).

- Để phòng chống cháy nổ thực hiện nghiêm chỉnh nội quy PCCC.

- Thường xuyên phát quang cây cỏ, bụi rậm xung quanh khu vực dự án.

- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của nhân dân nhằm đảm bảo an toàn và phòng chống cháy nổ cho con người.

### **2. Sự sạt lở, sụt lún khu vực khai thác quá trình hoàn nguyên mỏ**

- Không thi công vào mùa mưa, thường xuyên cập nhật tình hình thiên tai, bão lũ.

- Khai thác đúng chỉ giới được phê duyệt.

- Thực hiện cải tạo phục hồi môi trường hàng năm theo phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

- Các tổ, đội sản xuất có an toàn viên, giám sát viên theo dõi kiểm tra thường xuyên về thực hiện an toàn bờ khai thác để phản ánh kịp thời những hiện tượng không đảm bảo an toàn lao động và có những biện pháp xử lý kịp thời khi xảy ra sạt lở, sụt lún.

- Để ngăn chặn sự cố sụt lún, sạt lở đất, trong quá trình cải tạo bờ sông Công ty tuyệt đối thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp kỹ thuật san gạt, lu lèn theo đúng quy định

### **3. Sự cố về tai nạn lao động và tai nạn giao thông**

- Phổ biến, hướng dẫn cán bộ và công nhân nhận rõ trách nhiệm về bảo vệ môi trường khu vực thi công.

- Khi thi công, lắp ráp phải mang thiết bị bảo hộ cá nhân; trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết ứng phó kịp thời các sự cố.

- Kiểm tra bảo dưỡng thiết bị thường xuyên.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về vệ sinh và an toàn điện (QCVN 01:2008/BCT), phòng chống cháy nổ (TCVN 3245-89) trong quá trình thi công.

- Ký hợp đồng với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, xử lý tai nạn lao động có thể xảy ra trong quá trình xây dựng dự án.

- Chủ đầu tư sẽ phối hợp chặt chẽ với các chủ dự án để đảm bảo tiến độ triển khai, thời gian tiếp nhận nguồn đất thải cho phù hợp với mục đích cải tạo phục hồi môi trường của dự án.

- Thực hiện đầy đủ pháp lý và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình vận chuyển đất thải về dự án để cải tạo phục hồi cần đảm bảo an toàn, áp dụng các biện pháp hạn chế ảnh hưởng đến môi trường và người dân dọc tuyến đường.

#### **4. Sự cố sạt lở, vỡ hồ lắng**

- Khi khai thác đúng theo phương pháp, vị trí đã được phê duyệt. Không khai thác gần bờ và quá độ sâu quy định, đảm bảo cos đáy mở khi kết thúc khai thác cao hơn cos lòng sông.

- Định kỳ nạo vét đất cát thải, bùn thải lắng đọng tại hồ lắng; hạn chế thi công vào mùa mưa, thường xuyên cập nhật tình hình thiên tai, bão lũ.

- Trong quá trình khai thác, thực hiện nghiêm túc các phương án cải tạo phục hồi môi trường; nghiêm chỉnh thực hiện đúng theo quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

#### **5. Chủ dự án có trách nhiệm**

Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

- Cải tạo, gia cố bờ sông tại khu vực khai thác, đắp đất vào khu vực bãi bồi đã khai thác cát, trả lại mặt bằng cho địa phương.
- Tháo dỡ những công trình dân dụng, san gạt, tạo mặt bằng trên toàn bộ diện tích khu lán sinh hoạt công nhân viên, khu vực kho bãi tập kết cát, bãi thải, khu tập trung chất thải sinh hoạt, trả lại mặt bằng cho địa phương.
- Bóc đất, đào san tuyến đường nội mỏ trả lại cho địa phương.
- Thu dọn toàn bộ trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động khai thác.
- Tuân thủ thực hiện đúng các hình thức khai thác cát tại bãi bồi sông và phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

**2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và thời gian thực hiện**

TT	Tên hạng mục, khối lượng	Thời gian thực hiện
<b>1</b>	<b>Khu vực khai trường</b>	
1.1	Cải tạo, gia cố bờ sông tại khu vực khai thác: Trong quá trình khai thác, để đảm bảo an toàn cho đất nông nghiệp tiếp giáp dự án và an toàn cho khu vực tiếp giáp bờ sông dự án thực hiện khai thác có chiều rộng đai bảo vệ bờ moong là 5m (khai thác cách ranh dự án 5m), thực hiện khai thác giật cấp, góc nghiêng sườn tầng khai thác 30-60 <sup>0</sup> , có góc dốc bờ nghỉ kết thúc khai thác là 55 <sup>0</sup> , để lại taluy (đáy bờ taluy có chiều rộng khoảng 5-7 m).	Quá trình khai thác hàng năm
1.2	- Từ năm 2 trở đi tiếp nhận đất đổ thải tại các dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh (thực hiện liên tục trong suốt quá trình khai thác) nhằm tránh tình trạng sạt lở khu vực khai thác. Cụ thể, dự án sử dụng đất bóc tầng phủ của khu vực khai thác (60.166 m <sup>3</sup> ), đất lưu dư thừa từ giai đoạn xây dựng dự án (1.101 m <sup>3</sup> ), đất lớp sét lưu hoàn nguyên 30.083 m <sup>3</sup> ) đất tiếp nhận từ các dự án xây dựng khác trên địa bàn tỉnh (92.871 m <sup>3</sup> , chưa tính đến hệ số đầm chặt k=0,95), đất cát thải từ khâu chế biến (1.857 m <sup>3</sup> ) để đổ vào vị trí đã khai thác năm trước. Tổng khối lượng đất hoàn nguyên khoảng: 186.078 m <sup>3</sup> . - Lượng đất cát, bùn thải được nạo vét từ các hố lắng (khối	Quá trình khai thác hàng năm

	lượng khoảng 100 m <sup>3</sup> /năm) sẽ được sử dụng để hoàn nguyên hồ lắng và các rãnh thoát nước sau khi kết thúc hoàn toàn khai thác.	
<b>2</b>	<b>Mặt bằng sân công nghiệp và khu vực phụ trợ</b>	
2.1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- San gạt tại chỗ khu vực sàng tuyển, khu văn phòng, kho bãi tập kết cát, bãi thải, khu tập trung chất thải sinh hoạt với tổng diện tích 6.142 m<sup>2</sup> (trong đó khu sàng tuyển 1.405 m<sup>2</sup>; bãi tập kết cát thành phẩm 1.735 m<sup>2</sup>, mặt bằng khu nhà điều hành 809 m<sup>2</sup>, khu sân vườn, bãi đậu xe 878 m<sup>2</sup>, bãi thải 1.070 m<sup>2</sup>, khu bãi tập kết rác thải sinh hoạt 245 m<sup>2</sup>).</li> <li>- Phá dỡ bê tông nền móng có cốt thép (Nền sân đường nội bộ xung quanh khu nhà điều hành diện tích khoảng 45m<sup>2</sup>, chiều dày nền 0,05m) khối lượng 2,25m<sup>3</sup>.</li> <li>- Tháo dỡ mái tôn, tường khung (mái tôn khu nhà điều hành, nhà ăn nghỉ công nhân viên, diện tích mái tôn 150m<sup>2</sup>).</li> </ul>	Sau khi kết thúc hoàn toàn khai thác
<b>3</b>	<b>Khu vực xung quanh</b>	
3.1	- Thực hiện công tác khảo sát, kiểm tra để kịp thời phát hiện và phòng chống, khắc phục các vị trí có nguy cơ sạt lở đối với diện tích nằm ngoài khu vực khai thác.	Quá trình khai thác hàng năm
3.2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu dọn máy móc thiết bị, vật dụng sinh hoạt của công nhân.</li> <li>- Trước khi thi công phải kiểm tra thiết bị, xác định vị trí và biện pháp thi công đảm bảo an toàn. Đối với lao động thủ công phải kiểm tra các công cụ, dụng cụ đảm bảo an toàn mới được thi công.</li> <li>- Có biện pháp khắc phục, sửa chữa thiết bị máy móc kịp thời và bảo dưỡng định kỳ để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải, độ ồn phát sinh từ các thiết bị, máy móc.</li> </ul>	Sau khi kết thúc hoàn toàn khai thác

### **3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ**

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 488.807.459 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi tám triệu, tám trăm linh bảy nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng*).

- Số lần ký quỹ: 09 lần

+ Lần đầu, số tiền: 122.201.865 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu, hai trăm linh một nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng*).

+ Các lần tiếp theo, số tiền: 45.825.699 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng*).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Thời điểm ký quỹ:

- + Lần đầu thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.
- + Từ lần thứ 2 đến lần thứ 9 sẽ thực hiện trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Điện Biên.

## **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

## **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thông tin thay đổi về phát sinh chất thải tại phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp khai thác khoáng sản xuất hiện hiện tượng sạt lở bờ sông, Công ty phải dừng khai thác và báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Điện Biên và UBND xã Thanh Yên.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.